

Bản án số: 90/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2026
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh

Ông Nguyễn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1984 (xin vắng).

Căn cước công dân số: 087084006532; cấp ngày 04/02/2022.

Địa chỉ cư trú: Số B, tổ G, khóm H, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Bé B, sinh năm 1986 (xin vắng).

Căn cước công dân số: 096186016702; cấp ngày 08/08/2022.

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Đức V trình bày:**

- Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu nên ông Nguyễn Đức V và bà Trần Thị B1 Bấy thành hôn với nhau vào năm 2006. Hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau vào năm 2007 (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau).

Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông và bà B không sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2013 cho đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông V yêu cầu ly hôn với bà B.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Ngọc V1, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2007 (nữ) và Nguyễn Trần Hữu L, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2009 (nam). Đối với Ngọc V1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Hữu L đang sống cùng bà B nên khi ly hôn ông V yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà B được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hữu L.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Trần Thị Bé B trình bày:**

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Bé B xác định lời trình bày của ông V về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng là đúng toàn bộ.

Quá trình chung sống vợ chồng bà thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà B và ông V không sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2013 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà Bé B đồng ý ly hôn với ông V.

- Về con chung: Có 02 người con chung đúng như ông V trình bày. Hiện nay Ngọc V1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Hữu L đang sống cùng bà nên bà B yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hữu L.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Đức V yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Bé B nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp xin ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Bé B cư trú tại Ấp B, xã Đ, tỉnh Cà Mau

nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cà Mau.

Ông Nguyễn Đức V và bà Trần Thị Bé B có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông V, bà Bé B là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đức V và bà Trần Thị Bé B kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau vào ngày 28 tháng 05 năm 2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58 (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Cà Mau) nên hôn nhân giữa ông V và bà Bé B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, ông V và bà Bé B đã bất hòa nhau trong cuộc sống, vợ chồng không hàn gắn được hôn nhân, mỗi người đều có cuộc sống riêng nên ông V xin ly hôn thì bà Bé B đồng ý. Do ông V và bà Bé B xin vắng mặt các phiên hòa giải, xét xử nên Hội đồng xét xử không ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự mà chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Đức V với bà Trần Thị Bé B theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Ông V, bà B xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Ngọc V1, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2007 (nữ) và Nguyễn Trần Hữu L, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2009 (nam). Hiện nay Ngọc V1 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Hữu L, trong khoảng thời gian ông V và bà Bé B không chung sống với nhau thì cháu Hữu L do bà Bé B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời cháu Hữu L có nguyện vọng được sống chung với bà Bé B nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu Hữu L cho bà B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Đức V phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông V được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Đức V. Cho ông Nguyễn Đức V được ly hôn bà Trần Thị Bé B.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Ngọc V1, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2007 (nữ) và Nguyễn Trần Hữu L, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2009 (nam).

Đối với con chung tên Nguyễn Trần Ngọc V1 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Nguyễn Trần Hữu L, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2009 (nam) cho bà Trần Thị B1 Bấy tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Đức V phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Đức V đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003029 ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh C được đối trừ, án phí hôn nhân ông Nguyễn Đức V đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 5 – Cà Mau;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Cà Mau;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Đất Mới;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hồng Ngân